

TRAO ĐỔI

AI LÀ TÁC GIẢ CUỐN SÁCH “LỊCH VÀ LỊCH VẠN NIÊN”?

Lê Thành Lân*

Năm 2000, Nxb Văn hóa dân tộc xuất bản cuốn *Lịch và lịch vạn niên. Âm lịch & Dương lịch đối chiếu 1780-2060* [1] của Lê Quý Ngưu. Lúc đó, tôi đã thấy sách này có vấn đề, nhưng bản thân tôi quá bận, vả lại ngày đó không khí trao đổi học thuật còn chưa được thoải mái, rôm rả. Bây giờ khá hơn, người ta bàn nhiều về quyền tác giả, thậm chí kiện tụng nhau ra tòa. Tất nhiên cuốn sách này ra đời đã lâu rồi, trên hiệu sách có khi chẳng còn nữa, nhưng trên các giá sách của các thư viện và các tư gia vẫn còn đó. Lớp chúng ta còn đọc, con cháu chúng ta có thể cũng còn đọc, nên vẫn cần bàn để mọi người đỡ ngộ nhận. Không những vậy, hôm nay bàn về cuốn sách [1] này của ông Ngưu, chúng ta còn tìm hiểu về một cách làm ăn không ổn nhằm rút kinh nghiệm.

Chắc có độc giả sẽ thắc mắc ngay về cái tiêu đề của bài báo này: - Rõ ràng tác giả của cuốn sách là ông Lê Quý Ngưu rồi, còn phải hỏi làm gì? Tôi cũng xin thưa ngay: - Không phải như thế. Điều này tôi đã viết đôi dòng trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* [2] và *Văn hóa Nghệ An* [3]. Tác giả đích thực của cuốn lịch này là cố học giả Hoàng Xuân Hãn, nhà giáo Nguyễn Như Lân, nhà nghiên cứu Bùi Quang Tung và còn có một hoặc hai tác giả người Trung Quốc. Một vài độc giả biết ông Ngưu là một “đại tác gia”, nên có ý khuyên tôi: Vì đã viết rồi, nên viết cho kỹ để rút kinh nghiệm chung.

Trước khi đọc sách này, tôi rất kính nể ông Lê Quý Ngưu - một tác giả có một số lượng lớn các đầu sách với số trang đồ sộ. Đa phần các sách này thuộc lĩnh vực Đông y. Có người cũng có ý ngợ về sự nghiêm túc trong các tác phẩm ấy của ông Ngưu, lại thấy tôi cũng có vẻ biết về Đông y, nên cũng hỏi tôi về chúng, tôi đã thành thật trả lời rằng: không thể nói gì được. Vì đây là một lĩnh vực rộng mênh mông: sách nguyên bản của Trung Quốc, sách được dịch sang Việt ngữ và sách của các lương y nổi tiếng Việt Nam nhiều vô kể; không ai có thể bao quát nổi; nên quả thật tôi không biết được sách của ông Lê Quý Ngưu trong lĩnh vực này liên quan đến biến sách kia như thế nào. Thậm chí tôi cũng chưa đọc một cuốn sách Đông y nào của ông Ngưu, vì tôi chỉ quan tâm đến một lĩnh vực hẹp là *Thời châm cứu*, mà cũng chỉ chuyên chú vào lý thuyết, hơn nữa tôi thường chỉ đọc tài liệu gốc. Tôi có quan niệm rằng, sách khoa học cần có dấu ấn của tác giả, có tính sáng tạo, có nét mới; còn nếu không thì thà dịch từ các tác phẩm nước ngoài có uy tín. Những nét mới và sáng tạo đó thường được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành. Nếu là Đông y thì rõ nhất là trên tạp chí *Y*

* Thành phố Hà Nội.

học dân tộc cổ truyền Việt Nam hay *Châm cứu Việt Nam*, cũng có thể trên các tạp chí y dược học khác. Tất nhiên cũng có nhiều bài trên các tạp chí đó không phải là công trình nghiên cứu và cá biệt cũng có những công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí không cùng chuyên ngành. Khi viết sách, các công trình nghiên cứu của mình cần được liệt kê ở phần *Tài liệu dẫn* (TLD) ở cuối sách, nên người đọc nhìn vào đó thấy ngay tác giả đã có bao nhiêu bài và nhờ đó thấy được thực lực của tác giả. Tất nhiên không ai làm ra được tất cả nội dung của một cuốn sách khoa học, 80-95% là của người đi trước. Khi dùng đến kiến thức của ai, lấy từ sách nào đều cần dẫn ra sách đó. Các sách này nên được liệt kê vào TLD. Việc này có 4 ý nghĩa: Một là thể hiện thực lực của mình. Hai là tôn trọng tác giả khác, tôn trọng lao động và công sức của người khác. Ba là, có thể do ta viết quá gọn, đối với một độc giả nào đó là chưa đủ, họ cần biết nhiều hơn, chi tiết hơn, có thể qua TLD họ có thể tìm được nguồn tư liệu gốc để hiểu cho cặn kẽ. Bốn là, đề phòng khi có những thông tin chưa chuẩn xác thì còn có thể truy ra lỗi ở đâu, do ai và nhất là có thể chỉnh lý lại. Cũng có trường hợp các kiến thức được viết ra quá phổ thông, chủ yếu là sách phổ biến khoa học, người viết không cần làm TLD nữa. Riêng đối với Y dược học, đặc biệt Đông y, TLD rất quan trọng. Nhiều bài thuốc trong Đông y thường gắn với những danh y hay những bộ sách kinh điển; mỗi khi chép các bài đó ta nên dẫn sách, thậm chí nên chỉ rõ ở trang nào và đưa sách đó vào TLD để người dùng có thể tìm về nguồn gốc mà hiểu rõ mọi chi tiết: thành phần, liều lượng (cân lượng), bào chế, công dụng, kiêng kỵ... vì chúng liên quan đến sinh mệnh con người.

Chúng tôi viết chi tiết như trên, vì thấy có nhiều người tự vỗ ngực là một nhà nghiên cứu lâu năm về một lĩnh vực nào đó, chẳng hạn trong lĩnh vực Lịch học, nhưng chẳng viết nổi bài báo nào nghiêm chỉnh trên các tạp chí. Đa phần các nhà viết sách khoa học mà không bao giờ đăng một bài báo nào trên các tạp chí chuyên ngành thường chỉ là người làm công việc sao chép, cắt dán, xào xáo. Ấy là tôi nói chung như vậy thôi, cũng có người có sáng tạo thể hiện luôn ngay trong sách; còn như sách của ông Ngưu trong lĩnh vực Đông y, thì tôi chỉ biết “kính nhi viễn chi”, không xem, không bàn. Có người biết tôi ở Viện Công nghệ thông tin, nên hỏi tôi về cuốn *Vi tính chữ Hán dùng cho người Việt* của ông Ngưu, tôi cũng chỉ biết lắc đầu, bởi thế giới sách Tin học quá rộng mà để gõ chữ Hán chỉ cần đọc một bài viết ngắn nào đó, chẳng hạn như bài “Một cách gõ chữ Hán trên máy tính cho người Việt” của ông Lê Anh Minh trên tạp chí *Thông tin Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế* (nay là tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*), năm 1999, hay một trong các bài của ông Phan Anh Dũng - người Huế, hoặc trên website của ông Tống Phước Khải là đủ. Riêng trong lĩnh vực Lịch học thì hơi khác. Những người nghiên cứu nghiêm túc rất ít, có thể đếm trên đầu ngón tay. Phải nói rằng, có ít sách viết về lịch pháp, lịch sử lịch..., còn toàn là bảng số liệu. Đa phần là số liệu lịch của Trung Quốc, nhiều “tác giả” người Việt chỉ sao chép, mà không ít trường hợp sao chép cũng không nên hèn. Còn về lịch Việt Nam tôi chỉ biết có Tổ lịch thuộc Nhà Khố tượng ngày xưa, các ông Nguyễn Mậu Tùng - nguyên Trưởng Ban lịch Nhà nước, Thạc sĩ Trần Tiến Bình - người ở Ban lịch nay là Phòng Nghiên cứu lịch, ông Hồ Ngọc Đức - đang ở CHLB Đức, Tiến sĩ Ngô Văn Quý - ở Australia

là tính toán nghiêm chỉnh. Một số người thuộc lớp trước cũng có công khảo cứu, biên soạn như Deloustal, Cordier, Lê Đức Hoạt, Nguyễn Như Lân, Nguyễn Trọng Bình, tuy họ bị “lạc lối” nên không tìm ra lịch Việt Nam. Việc tìm kiếm lịch cổ Việt Nam chỉ có hai người làm, như Giáo sư Sử học Phan Huy Lê đã viết: “*Phải chăng cái sai lầm [về việc coi lịch Việt Nam là lịch Trung Quốc] ở nửa đầu thế kỷ [hai mươi] bởi R. Deloustal, G. Cordier, Lê Đức Hoạt và nhiều người tiếp theo sau, phải mất nửa thế kỷ nghiên cứu mới được đính chính lại bởi cuốn Lịch và lịch Việt Nam [4] của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn và cuốn Lịch và niên biểu lịch sử hai mươi thế kỷ (0001-2010) [5] của Phó giáo sư Lê Thành Lân!*” [5] (trang 6)... Còn các ông Nguyễn Hoàng Điệp, Nguyễn Mạnh Linh, Trịnh Tiến Điều, Huỳnh Ngọc Chiến... đều sao chép cả. Người có “công” “xào xáo” nhất là ông Lê Quý Ngưu với ba cuốn sách đồ sộ, mỗi cuốn một vẻ mà tôi đã có lần sơ bộ đề cập đến trong hai bài báo nhân dịp Tết Đinh Hợi (2007) [2, 3].

Bài này tôi chỉ bàn về cuốn [1]. Còn hai cuốn nữa tôi sẽ bàn đến trong các bài viết khác.

Một ông bạn nói với tôi rằng: “Có lẽ ông Ngưu chỉ viết có 7 trang: “*Thay lời kết: Tý, con chuột đứng đầu tiên và sau cùng*”. Dường như 1.700 trang còn lại là của người khác, tác giả chỉ sưu tầm được, đưa cho ông Quang Minh đánh máy vi tính, rồi cho in. Ngay như lời nói đầu của nó cũng na ná giống như lời nói đầu cuốn *Lịch vạn niên Dịch học phổ thông* [6] do bà Hồ Thị Lan dịch”.

Liệu ông bạn ấy nói thế có đúng không? Quả thật, khi đọc kỹ, tôi thấy dường như cũng gần đúng như vậy. Mục “*Thay lời kết: Tý, con chuột đứng đầu tiên và sau cùng*” chính là tên một bài viết của ông Ngưu đăng tải trên *Huế xưa và nay*, năm 1996 [7]. Đây chỉ là một bài góp nhặt một vài đoạn văn mà ông sưu tầm được nói về nạp quái cho 12 tháng và về 72 hậu trong năm, rất ít liên quan đến những số liệu lịch hàng năm có trong sách “của ông”, chúng không phải một công trình nghiên cứu có tính sáng tạo hay phát hiện. Ông Ngưu cũng có theo khuôn mẫu một bảng dài 2 trang của nhà giáo Nguyễn Như Lân trong cuốn *200 năm Dương lịch và Âm lịch đối chiếu (1780-1980)* [8] mà kéo dài ra thành 6 trang.

Lịch với các tiêu chí khác nhau là sách công cụ cần thiết cho rất nhiều người. Chẳng phải chúng chỉ cần đối với các nhà khoa học xã hội như nhà sử học, nhà khảo cổ học, nhà pháp học, thầy thuốc, lương y, người nghiên cứu ứng dụng Kinh dịch trong Dự trắc học... mà ngay người dân bình thường, khi cần tìm lại ngày sinh tháng đẻ của mình, của ông bà, bố mẹ hay con cái, khi cần hên hò, hay khi lập một chương trình làm việc cho tương lai họ đều cần đến một cuốn lịch. Ngay như khi ta xem một cuốn phim, một cuốn sách cổ, thấy nói đến thời vua Quang Trung hay thời vua Càn Long, nói đến năm Nguyên Phong, hay năm Gia Tĩnh ta cũng muốn biết câu chuyện đó xảy ra vào hồi nào, cách ta bao đã bao lâu. Lúc đó, ta cũng cần có một cuốn lịch. Từ khi cuốn *Chu dịch* của Phan Bội Châu được in ra, tiếp đến *Kinh dịch* của Ngô Tất Tố... rồi đến những cuốn sách ứng dụng của *Kinh dịch* như cuốn *Chu dịch với khoa học dự báo* của Thiệu Vĩ Hoa... ra đời, thì nhu cầu về việc dùng lịch lại càng tăng lên về số lượng với nhiều tiêu chí mới trong nội dung. Các cuốn lịch của các nhà làm lịch chuyên nghiệp chỉ có lịch Dương, lịch Âm,

Tuần lễ và Tiết khí dường như đã không còn đáp ứng được nhu cầu dùng lịch mới mẻ này. Người ta chẳng những cần biết đến các ngày Tiết khí mà còn muốn biết chính xác giờ chuyển tiết, muốn biết Trục tinh, Nhị thập bát tú, 72 hậu, thậm chí cả Kỳ môn hậu. Tình hình đó đã xuất hiện trước ở Trung Quốc khiến một loạt các nhà làm lịch nghiệp dư với nhiều nhà xuất bản địa phương của Trung Quốc tung ra một loạt các cuốn lịch có các tiêu chí đó. Chúng thường không được chính xác và có sự khác nhau. Những cuốn lịch này đã đáp ứng một phần nhu cầu mới về dùng lịch ở Trung Quốc. Mấy nhà “biên soạn” lịch nghiệp dư ở Việt Nam liền dịch các cuốn lịch đó sang tiếng Việt. Các cơ quan quản lý buông lỏng, các nhà xuất bản cho in tràn lan các lịch Trung Quốc; thậm chí xuất hiện nhiều cuốn lịch Trung Quốc nhưng “tác giả” là người Việt Nam. Các ngày Tiết khí và đặc biệt là các giờ chuyển tiết trong các bản dịch đó khác nhau rất nhiều, thật khó biết nên tin theo cuốn lịch nào. Vả lại chúng chỉ phù hợp với múi giờ của Trung Quốc. Lại có tình trạng, ngay trong một cuốn lịch, như cuốn *Lịch vạn niên thực dụng*, Nxb Văn hóa- Thông tin, năm 2000 đã có đến bảy tám chục chỗ so le về giờ chuyển tiết giữa giờ Dương và giờ Âm, không biết do các “tác giả” Việt Nam chép sai hay cái sai đó có ngay trong bản gốc của Trung Quốc. Chắc là các nhà soạn lịch Trung Quốc không mắc những lỗi mang tính “mâu thuẫn nội tại” như thế, chỉ có thể do các “tác giả” Việt Nam ta chép sai từ sách của họ. Điều phán đoán ấy cũng có thể tin được, bởi vì ở phần *Lịch bát quái* của sách trên có đến 180 quái bị chép sai tên; chẳng hạn, phạm các chữ “Đại” trong các trùng quái thường được in sai thành chữ “Địa”.

Trừ một vài cuốn như cuốn *Lịch vạn niên Dịch học phổ thông* do Hồ Thị Lan dịch, hay các cuốn do các ông Lê Khánh Trường hay Ông Văn Tùng dịch, ta biết chắc đó là lịch Trung Quốc; còn các cuốn khác do các tác giả là người Việt Nam “biên soạn”, thì thường viết lập lờ, không nói rõ ra lịch nào, ai soạn. Lịch cho những năm sau năm 2010, thì ta biết chắc là lịch Trung Quốc vì lịch Việt Nam chỉ mới được ban hành đến năm 2010; ngoài ra, khi lật lại những năm trước năm 2011, ta dễ nhận thấy đa phần họ chép lịch Trung Quốc. Có hai cuốn lịch: Cuốn *Lịch vạn niên thực dụng 1898-2018* của hai tác giả Nguyễn Hoàng Điệp và Nguyễn Mạnh Linh, Nxb Văn hóa-Thông tin, năm 2000 còn được Trưởng Ban lịch Nhà nước Trịnh Tiến Điều viết *Lời tựa*; cuốn *Nghiên cứu lịch vạn niên - Tra cứu Âm Dương lịch vạn niên 121 năm (1900-2020)* của tác giả Nguyễn Mạnh Linh, Nxb Từ điển bách khoa, 2005 được ông Điều viết *Lời giới thiệu* và làm người hiệu đính có đặc điểm là: Cuốn thì in lịch Trung Quốc, cuốn thì hai lịch đan xen lộn xộn; nhưng tác giả Việt Nam, nhà xuất bản Việt Nam lại còn có sự tham gia của Trưởng Ban lịch Nhà nước đã làm cho nhiều độc giả nhầm lẫn tưởng đây là lịch Việt Nam. Điều trầm trọng là nhiều đơn vị cần in lịch tờ hàng năm để biếu tặng nhân dịp Tết hay nhân dịp kỷ niệm thành lập đơn vị nhằm quảng bá thương hiệu, giới thiệu cơ quan đã lấy số liệu từ các cuốn lịch này, khiến cho năm 2006 và 2008 có lịch in sai [9]. Vậy, chính những cuốn lịch “tác giả” Việt Nam này là xuất xứ của những tờ lịch hàng năm bị in sai, chúng cùng nhau gây nên những thắc mắc về lịch Việt Nam hai năm qua. Chẳng hiểu các nhà xuất bản nghĩ sao mà cứ cho in tràn lan các lịch nước ngoài, trái với các quy định của Nhà nước, cuốn thì đến năm 2018, cuốn thì đến năm 2030, cuốn thì đến tận năm 2060, có cuốn là lịch cả thế kỷ 21.

Nhân đây tôi xin thông báo: Ngày 9/5/2008 vừa qua, một Hội đồng khoa học thẩm định lịch của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã xem xét và nhất trí đề nghị dùng lịch do Thạc sĩ Trần Tiến Bình soạn cho các năm sau năm 2010 in trong cuốn *Lịch Việt Nam thế kỷ XX-XXI*, Nxb Văn hóa-Thông tin, 2005 làm lịch chính thức của Việt Nam.

Cuốn *Lịch và lịch vạn niên. Âm lịch & Dương lịch đối chiếu 1780-2060* [1] của soạn giả Lê Quý Ngưu, là một trong các cuốn in lịch Trung Quốc nói trên. Tất nhiên, nó cũng đáp ứng một phần nào những nhu cầu về dùng lịch lúc đó. Đây là một cuốn lịch rất bề thế, chẳng vậy mà vào thời ấy giá bán cao đến 360.000 đồng. Cuốn sách gồm 2 phần: Phần đầu ghi theo số La Mã, gồm 157 trang, chủ yếu là lịch pháp và niên biểu; phần sau ghi theo số Ả Rập gồm khoảng 1.560 trang dành cho việc in lịch.

Xem những trang bìa và trang đầu, ta biết: sách này của Nxb Văn hóa dân tộc; Lê Quý Ngưu biên soạn; Lê Quý Ngưu sửa bản in; Lê Quý Ngưu và Quang Minh thực hiện vi tính và trình bày kỹ thuật; nhà sách Quang Minh thực hiện; nhà sách Quang Minh, Thành phố Hồ Chí Minh phát hành. Đây là một cuốn sách *không nghiêm chỉnh*; nhưng nói cho cùng chẳng ai chịu trách nhiệm gì cả, chỉ độc giả là thiệt thòi, còn những *tác giả thực sự* của cuốn sách thì chẳng được gì và rất buồn phiền. Sách còn đầy, người đọc còn tham khảo, dù tôi có phê bình trong số báo này, chắc đã mấy ai đọc mà biết đến những lỗi này.

Với các thông tin trên, ta thấy nổi bật lên vai trò của ông Lê Quý Ngưu và ông Quang Minh. Ở đây nhà xuất bản chỉ đứng tên, chạy thủ tục, “chịu trách nhiệm xuất bản”, còn mọi việc khác đều do ông Quang Minh đảm trách.

Đi sâu vào bên trong một chút, ta thấy dường như vai trò ông Lê Quý Ngưu cũng trở nên “khiêm tốn” hơn, tuy ta biết ông là người “chủ trì”. Ta khó tin rằng ông Ngưu đã trực tiếp thực hiện vi tính, cũng như sửa bản in, bởi những lỗi ngữ pháp Hán-Việt lặp đi lặp lại trong hàng trăm trang lịch, không tương xứng với trình độ của ông. Chẳng hạn, ngữ pháp Hán của tất cả các tháng, đáng lẽ, nên viết “*Vị tú, Dân nguyệt*” thì đều được viết theo ngữ pháp Việt là “*tú Vị, nguyệt Dân*”; lại nữa, tất cả các tháng *Chủy* đều được viết thành tháng *Bính* (cả chữ Hán lẫn chữ Việt). Có lẽ, nếu ông Ngưu bỏ mắt xem qua bản thảo này trước khi cho in vào giấy can, thì chắc chắn sách sẽ không phạm những lỗi sơ đẳng ấy. Bởi vì, trên máy tính, người ta có thể sửa chữa đồng loạt một cụm từ sai thành một cụm từ đúng ở cả ngàn trang trong vài phút.

Gần đây, người ta bàn nhiều về “kinh tế tri thức”, về “sở hữu trí tuệ”, nhất là đã có Luật Bản quyền tác giả; điều đó đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề để thảo luận.

Ta nhận thấy ngay: Ông Ngưu chỉ có khoảng một chục trang viết ở cuối sách với tiêu đề “*Thay lời kết*” nên không thể là tác giả của cuốn sách được.

Tôi có cảm nhận rằng, ông Lê Quý Ngưu đã tập hợp những cuốn lịch mà ông có sẵn trong tay, rồi đưa cho ông Quang Minh (hoặc một người nào đó) thực hiện vi tính và đem in. Trong trường hợp này, theo tôi, một cách lịch sự, trân trọng công sức và trí tuệ của người khác, trung thực khoa học, ông Lê Quý Ngưu

không nên đóng vai trò là “người biên soạn”, cũng chưa nên nhận là “người biên tập”, chính xác hơn chỉ là “người sưu tầm và tập hợp”; bởi ở đây ông chỉ tập hợp các sách, các bài viết của nhiều người bằng **một “phép cộng” đơn giản**.

Nếu là “người biên soạn”, ông Ngưu phải viết lại cho thành một tác phẩm nhất quán dựa trên tư liệu mà ông có được. Rõ ràng ông Ngưu không đủ trình độ để làm việc này. Trong các bài viết sau, tôi sẽ nêu ra rất nhiều những sai sót rất sơ đẳng nằm ngay trong một hai trang lời nói đầu.

Nếu là “người biên tập”, ông Ngưu cần ghi đúng tiêu đề các bài báo, tên sách mà ông dùng, cùng với tên các tác giả đích thực của chúng (chẳng hạn *Lịch và lịch Việt Nam* [4] của học giả Hoàng Xuân Hãn, *Biểu nhất lãm* [10] của Bùi Quang Tung...) một cách trang trọng ở đầu mỗi phần, mỗi chương chứ không phải đánh một dấu sao nhỏ ở tiêu đề, rồi ghi chú ở phía dưới bằng chữ “nguồn”. Bài được tập hợp cần in đúng như bản gốc. Nhiệm vụ của người biên tập *tốt* phải tiến hành ghi chú những chỗ khác biệt giữa các tài liệu, những sai sót của các tác giả, do sơ xuất, do lỗi in ấn hay do trình độ khoa học vào thời ấy mới chỉ biết đến vậy, nay có thêm những phát hiện mới... Ông Ngưu cũng không làm được những yêu cầu này.

Là “người sưu tầm, tập hợp”, ông Ngưu cũng phải ghi đúng tiêu đề tài liệu, tên tác giả như trên. Có thể ông không ghi chú được cho cuốn sách thành một thể thống nhất.

Trong các vai trò trên, ông cần phải xin phép các tác giả (chẳng hạn nhà giáo Nguyễn Như Liên...), hoặc thân nhân của tác giả (đối với trường hợp cố học giả Hoàng Xuân Hãn...), hoặc dịch giả (như bà Hồ Thị Lan...) và sau đó phải thực hiện nghĩa vụ của mình đối với họ: tặng sách, trả nhuận bút. Chẳng hiểu ông có thực hiện những điều đó không? Tôi chắc là ông không làm.

Với những đóng góp của mình, ông Ngưu không làm tròn các “chức phận” trên. Vậy ông là ai? Xin ông tự trả lời!

Theo tôi với một “chức phận” “nhẹ nhàng” nhất là người sưu tầm tập hợp, ông Ngưu cần tạo nên các chương mục như sau:

Chương I: *Lịch và lịch Việt Nam* [4] (trang V-XCIX). Tác giả là học giả Hoàng Xuân Hãn.

Chương II: *Giải thích một số thuật ngữ có liên quan trong lịch vạn niên* (trang C-CXV). Tham khảo *Lịch vạn niên Dịch học phổ thông* [6] do Hồ Thị Lan dịch. Những khái niệm này trong [6] được phân nhỏ ra, in vào những chỗ còn trống, sau các bảng (trang 17, 36, 55, 68, 87, 106,...); nay, tôi (Lê Quý Ngưu) đã gom lại một chỗ.

Chương III: *Biểu nhất lãm. Áp dụng cho lịch sử Việt Nam* [10] (trang CXVI-CXXXV). Tác giả là Bùi Quang Tung.

Chương IV: *Niên biểu* (trang CXXXVI-CXLIX). Trích từ sách *200 năm Dương lịch và Âm lịch đối chiếu (1780-1980)* [8] của tác giả Nguyễn Như Liên.

Chương V: *Bảng tính số tuổi và năm sinh* (trang CL-CLVII). Nguyên tác của Nguyễn Như Liên [8] chỉ có 2 trang; nay, theo “khuôn mẫu” ấy, tôi (Lê Quý Ngưu) kéo dài thêm thành 6 trang.

Chương VI: *Lịch các năm 1780-1909* (trang 1-568). Nội dung chính là lịch Âm, nguyên là của Nguyễn Như Luân [8]. Về tuần lễ và Can Chi vốn được viết tắt, nay tôi (Lê Quý Ngưu) viết rõ ra đầy đủ; có thêm vào đó Can Chi của giờ đầu mỗi ngày. (Việc ghi giờ này cũng rất dễ: có thể chỉ ra cho ai đó làm giúp, vì chỉ có 5 giờ sau đây chạy liên tiếp theo các ngày xoay vòng mãi mãi: Giáp Tý, Bính Tý, Mậu Tý, Canh Tý, Nhâm Tý, Giáp Tý... Cứ thế mà điền vào).

Chương VII: *Lịch các năm 1910-2030* (trang 669-1364). Nguyên là cuốn sách *Lịch vạn niên Dịch học phổ thông* [6] do Hồ Thị Lan dịch; tôi (Lê Quý Ngưu) đã có công xoay ngang thành dọc. (Xin chú ý: Một vài lỗi in ấn trong bản dịch của Hồ Thị Lan vẫn còn ở sách này).

Chương VIII: *Lịch các năm 2031-2060* (trang 1365-1560?). Chương này có lẽ do ông Ngưu dịch từ một cuốn lịch Trung Quốc nào đó. Ở đây cũng nên ghi rõ tên cuốn lịch đó.

Cuốn sách này liên quan đến ít nhất 3 tác giả người Việt Nam, 1 hoặc 2 tác giả người Trung Quốc, 3 dịch giả người Việt Nam. Một vấn đề cần được đặt ra là: Làm một cuốn sách kiểu này có cần phải xin phép người thừa hưởng bản quyền tác giả hoặc chính các tác giả hay không? Có cần phải trả nhuận bút cho họ không? Có cần biểu họ vài cuốn sách như các nhà biên tập chuyên nghiệp các tuyển tập thường làm không? Liệu có cần phải hỏi các tác giả xem họ có ưng tái bản nguyên văn như vậy hay không? Hay họ còn muốn sửa chữa gì nữa?

Học giả Hoàng Xuân Hãn là một nhà khoa học nổi tiếng; sách này của học giả in ở Pháp còn được tái bản trong tập I bộ sách *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn* do Nxb Giáo dục in năm 1998. Điều này cũng nên thông báo cho độc giả biết. Học giả đã mất, không rõ người làm sách có thực hiện đúng bốn phận của mình đối với thân nhân của học giả hay không? Có điều là, in lại cả 111 trang, trọn vẹn một tác phẩm - công quả 38 năm theo đuổi của tác giả (1944-1982) - với một dòng ghi chú: “nguồn” “nhẹ tên” như trong cuốn sách này; theo ý tôi là không phải với hương hồn của người quá cố.

Năm 2000, khi được tôi gọi điện thoại, nhà giáo Nguyễn Như Luân mới biết sách của mình được “tái bản”. Ông bèn lên Thành phố Hồ Chí Minh, mua ngay một cuốn lịch “của ông Ngưu”, xem luôn và gọi điện thoại ra cho tôi. Ông bức xúc nói: “Lúc đầu, tôi có ý định soạn cuốn sách cho riêng mình; sau này, thấy có người cần, mới đưa in vào các năm 1961 và 1968. Tới nay, tôi vẫn theo đuổi đề tài này và đã làm xong một bản thảo khác kỹ càng và tiện dụng hơn”. Công bằng mà nói, nhà giáo Nguyễn Như Luân là một tác giả đóng góp nhiều trí tuệ và công sức, ông có số trang sách gấp nhiều lần số trang sách thật sự của ông Ngưu. Cũng đáng tiếc cho độc giả, họ mất tiền mua mà đã không được đọc những điều tâm đắc, ấp ủ, nghiền ngẫm hơn 30 năm sau của nhà giáo Nguyễn Như Luân. Biết tôi chẳng mua cuốn sách này, nhà giáo Nguyễn Như Luân còn chụp hàng trăm trang - những trang ông cho là quan trọng - gửi cho tôi, ông còn mách bảo tôi về *Biểu nhất lãm* [10] và gửi cho tôi văn bản đó.

Biểu nhất lãm [10] của ông Bùi Quang Tung, nguyên bản bằng tiếng Pháp đăng trên *Bulletin de l'École FranVaise d'Extrême-Orient*; được ông Trần Khải Văn dịch ra tiếng Việt đăng trên *Văn hóa nguyệt san*. Sau đó ông Văn còn cho

đính chính trên 2 trang giấy với 70 lỗi in ấn. Vì chẳng bao giờ dùng bảng này và cũng chẳng biết dùng làm gì, lại không có bản đính chính, nên ông Ngưu để nguyên những sai sót ở bản chưa sửa của ông Văn. Chẳng hạn, trang CXVI (bản LQN) dòng 10 cột 3 ghi “Đời Thục”, sau này ông Văn đã sửa thành: “Nhà Thục”; dòng 15 cột 5 sau “Hội tường đại khánh”, ông Văn thêm: “Thiên phù duệ vô” và “Thiên phù khánh thọ”; dòng 6, cột 4: “1556-1575”, ông Văn sửa thành: “1556-1573”... Thực ra ông Ngưu chưa bao giờ xem kỹ biểu này, nên chẳng biết nó sai đúng ra sao, sưu tầm được thế nào thì cho đánh máy đưa in thế ấy.

Vậy là nội dung cuốn sách [1] này rất lạc hậu, vẫn giữ nhiều lỗi đã được đính chính từ gần nửa thế kỷ trước. Nếu biết được điều này, chắc các tác giả đích thực và dịch giả của *Biểu nhất lãm* sẽ rất phiền lòng vì bị độc giả hiểu lầm.

Nếu ông Ngưu hỏi ý kiến nhà giáo Lê thì đã có được bản thảo mới của tác giả và có thể còn được nhà giáo mách bảo cho về những đính chính ở *Biểu nhất lãm*. Rõ ràng rằng, việc không hỏi ý kiến của các tác giả thật sự của các công trình nghiên cứu trên đã làm thiệt thòi cho những người bỏ ra một khoản tiền lớn để mua một cuốn sách có nhiều lỗi không đáng có.

Sách do bà Hồ Thị Lan dịch, từng được tái bản nhiều lần, có thể đến nay vẫn đang còn được bán, mấy năm nay nằm gọn trong cuốn sách đồ sộ này của ông Ngưu. Chỉ biết vậy, tôi không dám nói gì thay bà Hồ Thị Lan.

Người biên tập, nhất là người biên soạn, không chỉ biết làm “phép cộng” mà phải biết làm “phép trừ”; phải tính đến sự nhất quán trong “tác phẩm” của mình. Khi thấy các sách sưu tập được có sự khác nhau thì cần ghi chú (nếu là biên tập), cần viết lại (nếu là biên soạn), sao cho trong sách của mình không có những “mâu thuẫn nội tại”; nhằm cung cấp cho độc giả một *thông tin duy nhất đúng*; đừng để độc giả phải phân vân, khi đọc sách, gặp một vấn đề có hai số liệu khác nhau hoặc có hai cách lý giải khác nhau. Hình như ông Ngưu không đọc kỹ sách của học giả Hoàng Xuân Hãn. Trong số những điều học giả đã viết ở trang LVI (bản LQN) có một ý quan trọng là: Từ năm 1644 cho đến năm 1812, nhà Lê và những năm đầu nhà Nguyễn lịch ta theo phép Đại Thống, khác hẳn lịch Trung Quốc và học giả đã phục tính lịch đó, rồi cho in lịch Lê, lịch Nguyễn vào các trang từ LXX đến LXXIV (bản LQN) và lịch Tây Sơn theo phép Thời Hiến in vào trang LXXIII và so sánh ở trang LXXIX. Ở thời điểm năm 1968, nhà giáo Nguyễn Như Lê chưa biết được các thông tin này. Nay, ông Ngưu chép lại sách của nhà giáo Lê cần ghi chú cho độc giả biết. Chẳng hạn, theo học giả Hoàng Xuân Hãn, trang LXXIV (bản LQN) các năm Quý Hợi (1803) nhuận tháng 1; năm Ất Sửu (1805) nhuận tháng 8; năm Mậu Thìn (1808) nhuận tháng 6; năm Tân Mùi (1811) nhuận tháng 2. Vậy mà ở các trang 110, 112, 124 và 137 ông Ngưu vẫn theo bản cũ của nhà giáo Nguyễn Như Lê mà chép lần lượt các tháng nhuận là 2, 6, 5 và 3. Là người biên tập ông Ngưu phải ghi chú điều này, là người biên soạn ông Ngưu phải sửa lại những chỗ này cho “sách của mình” được nhất quán.

Người biên tập, nhất là người biên soạn lại còn phải có kiến thức cập nhật, biết những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực mà mình biên soạn, để thông tin cho độc giả những kiến thức ấy, nếu không cuốn “sách của mình” vừa ra đời đã lạc hậu ngay. Đằng này, dường như ông Ngưu không biết một thông

tin mới nào về lĩnh vực mình “biên soạn”, ngoài mấy cuốn sách cũ mà mình có sẵn trong tay. Trong các cuốn *Lịch hai thế kỷ (1802-2010)* và *các lịch vĩnh cửu* [11] và cuốn *Lịch và niên biểu lịch sử hai mươi thế kỷ (0001-2010)* [5] và trong hàng chục bài viết của tôi, trong đó có nhiều bài đăng trên tạp chí *Huế xưa và nay* - ở xứ Huế nơi ông Ngưu sinh ra và lập nghiệp - vào năm 1995 (các số 9, 11, 13, 14, 16) tôi đã thông báo nhiều kết quả nghiên cứu mới về lịch và niên biểu Việt Nam. Giáo sư sử học Phan Huy Lê đã đánh giá: Việc nghiên cứu Lịch Việt Nam do “GS Hoàng Xuân Hãn là người phát hiện, định hướng và đặt nền móng, PGS Lê Thành Lâm là người kế thừa, phát triển và xây đắp ngôi nhà” [5] (trang 6). Qua đó, những người trong ngành đã biết tôi tìm ra lịch Việt Nam từ năm 1544 trở lại đây, trong đó có 171 năm (từ năm 1631 đến 1801) ở Đàng Ngoài và Đàng Trong có 2 lịch riêng khác nhau, song hành, chúng đều khác lịch Trung Quốc. Theo kết quả nghiên cứu đó thì vào 11 năm đầu nhà Nguyễn, lịch ta có 4 tháng nhuận khác lịch Trung Quốc, đúng như học giả Hoàng Xuân Hãn đã phục tính, nhưng còn có 3 ngày sóc khác với lịch phục tính bởi học giả Hoàng Xuân Hãn [11] (trang 106). Lịch Tây Sơn cũng khác lịch Trung Quốc 3 lần [5] (trang 44). Về niên biểu, tôi có nhiều phát hiện quan trọng, nhất là các niên hiệu thuộc thời Mạc Mậu Hợp, đặc biệt niên hiệu Thuần Phúc, trước đây được xem là vào các năm 1562-1565; nay được xác định lại, đúng ra là vào các năm 1565-1568... [5] (trang 372). Quả thật, vào cái năm 2000 tôi mừng rằng, ông Ngưu không hay biết gì về các kết quả nghiên cứu của tôi, vì nếu biết chắc chắn ông cũng chẳng “nể nang gì”. Nhưng rồi ông cũng biết và nghĩ: Lần đầu tiên “làm ăn” trên lĩnh vực mới này như thế là “trót lọt”, “thắng đậm”, bèn phát huy “chiến quả”, dẫn tới, lấy kết quả nghiên cứu của tôi làm luôn 2 bộ sách đồ sộ nữa. Tôi sẽ dành riêng hai bài bình luận về hai cuốn sách này.

Tuy bài này tôi viết về một cuốn sách trong một lĩnh vực, nhưng trong một chừng mực nào đấy nó có những nét chung, điển hình cho một cách làm ăn đáng chê trách và còn có các cách làm khác, có điều nó tinh vi hơn, tôi sẽ đề cập đến trong các bài khác. Các cách làm ăn này gây nên nhiều bức xúc rất đáng được thảo luận, phê phán và cần chấm dứt; nó liên quan đến vấn đề bản quyền tác giả, sở hữu trí tuệ mà ở nước ta trong thực tế đang bị coi nhẹ. Chính nhà giáo Nguyễn Như Luân là người bị hại cũng rất không tán thành, nhưng rồi ông cũng đành chép miệng bỏ qua và than: “Biết làm thế nào đây?!”. Thiết nghĩ, nếu kéo dài cung cách làm ăn này, thì nước ta rất khó hòa nhập vào thế giới văn minh hiện đại.

Nhân đây tôi xin chân thành cảm ơn nhà giáo Nguyễn Như Luân về những thông tin liên quan đến *Biểu nhất lãm* của Bùi Quang Tung mà ông đã cung cấp.

L T L

TÀI LIỆU DẪN

- [1] Lê Quý Ngưu, *Lịch và lịch vạn niên*. Âm lịch & Dương lịch đối chiếu 1780-2060, Nxb Văn hóa dân tộc, 2000.
- [2] Lê Thành Lâm, “Lịch Việt Nam xưa và nay”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 5-6 (58-59). 2006, tr. 3-19.
- [3] Lê Thành Lâm, “Ngày Tết nói chuyện lịch Việt Nam”, tạp chí *Văn hóa Nghệ An*, 2/2007, tr. 59-64.
- [4] Hoàng Xuân Hãn, *Lịch và lịch Việt Nam*. Phụ trương tập san *Khoa học xã hội*, Paris, 1982.

- [5] Lê Thành Lâm, *Lịch và niên biểu lịch sử hai mươi thế kỷ (0001-2010)*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2000.
- [6] Hồ Thị Lan (dịch), *Lịch vạn niên Dịch học phổ thông*, Nxb Văn hóa dân tộc, 1999.
- [7] Lê Quý Ngưu, “Tý, con chuột đứng đầu tiên và sau cùng”, tạp chí *Huế xưa và nay*, số 15, 1996.
- [8] Nguyễn Như Luân, *200 năm Dương lịch và Âm lịch đối chiếu (1780-1980)*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1968.
- [9] Lê Thành Lâm, “Cảnh giác với lịch Mậu Tý - 2008: Có lịch in sai!”, đăng trên mạng *Vietnamnet*, ngày 5/3/2008.
- [10] Bùi Quang Tung, “Biểu nhất lãm. Áp dụng cho lịch sử Việt Nam”, *Văn hóa nguyệt san*, số 53, tháng 8/1960.
- [11] Lê Thành Lâm, *Lịch hai thế kỷ (1802-2010) và các lịch vĩnh cửu*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1995.

TÓM TẮT

Bài báo đã phân tích để đi đến kết luận ông Lê Quý Ngưu không phải là tác giả của cuốn *Lịch và lịch vạn niên. Âm lịch & Dương lịch đối chiếu 1780-2060*, Nxb Văn hóa dân tộc, năm 2000. Tác giả đích thực của cuốn lịch này là cố học giả Hoàng Xuân Hãn, nhà giáo Nguyễn Như Luân, nhà nghiên cứu Bùi Quang Tung và còn có một hoặc hai tác giả người Trung Quốc; ngoài ông Ngưu ra, còn có hai dịch giả là ông Trần Khải Văn và bà Hồ Thị Lan. Ông Ngưu chỉ là một trong ba dịch giả và cũng không làm tròn chức trách người biên tập, cùng lắm ông chỉ là người sưu tập. Ngay ở chức phận cuối cùng này ông cũng không làm tròn bổn phận, chẳng hạn như ông không xin phép các tác giả, không tặng sách và trao nhuận bút cho họ... Tóm lại đây là một cách làm ăn không đúng đắn, cần chấm dứt.

ABSTRACT

WHO IS THE AUTHOR OF THE BOOK “A CALENDAR, ANNUAL AND PERPETUAL”?

By its analysis the article comes to the conclusion that Le Quý Ngưu cannot be named as the author of the mentioned book published by the National Culture Publishing House. The true author of the book are the late scholar Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Như Luân, a teacher, Bùi Quang Tung, a researcher, and certain Chinese authors; Beside Mr Ngưu, two other translators for the Chinese texts are Trần Khải Văn and Hồ Thị Lan. Mr Ngưu is just one of the three translators. Therefore, definitely not deserving to be identified as an editor of the calendar, he can only be asserted as a collector of the relevant documents at the most. Even considered for this last role, he does not appear to fulfill it, taking into consideration his failure to ask for permits from the real authors, to present sample books to them and pay them their due remunerations... In a word, this is not an honest way of business transaction and should be stopped.